|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTTTT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Luật Công nghiệp công nghệ số**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và kính báo cáo Chính phủ về dự án Luật Công nghiệp công nghệ số như sau:

# I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

## 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã luôn quan tâm đến việc hoàn thiện, xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số trong nước. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện thể chế về công nghiệp công nghệ số. Cụ thể như sau:

**(i)** Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định:

- *Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành* về phát triển công nghiệp quốc gia và *các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số,* công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng, ... Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về ..., bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan.

- *Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh* để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: …; *công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chíp bán dẫn)*.

- *Chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam*; tăng cường chính sách đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, *chính sách mua sắm công theo hướng ưu tiên sử dụng hàng hóa trong nước*, nâng cao giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa.

- Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số; *ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, các chính sách thí điểm, đặc thù* cho các hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số.

Kế hoạch số 13-KH/TW của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm là: “Đẩy nhanh việc thể chế hoá, cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; *tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số*, …”.

**(ii)** Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ giải pháp:

- *Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số*, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội; đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, *ưu tiên công nghệ số, kết nối 4G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật*, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế.

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: *công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông*, công nghiệp sản xuất rô bốt, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, *công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số*, công nghiệp an toàn thông tin; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, ... viễn thông và công nghệ thông tin, ...

- Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản; *tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số*; nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung *phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, ...*

**(iii)** Tại Khoản 3 Mục III Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định:

- Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: *Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông;* …; ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, *trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông,…*

- Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; *sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm*.

**(iv)** Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định quan điểm, giải pháp, nhiệm vụ:

- Phát triển *công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo*; đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, *phát triển sản xuất các sản phẩm, thiết bị thông minh*.

- Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: *Công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử ở trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác*; giai đoạn 2030 - 2045, tập trung *ưu tiên phát triển các thế hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông*.

- Phát triển mạnh mẽ tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông, nhất là *hạ tầng kết nối số (4G, 5G)* bảo đảm an toàn, đồng bộ đáp ứng yêu cầu *Internet kết nối con người và kết nối vạn vật*.

**(v)** Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm cơ cấu lại nền kinh tế là cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, trong đó có giải pháp *“Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số”.*

**(vi)** Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định: *Chú trọng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin*, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; *xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung quy mô lớn, hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo.*

**(vii)** Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025: Trong đó có giao Bộ Thông tin và Truyền thông *xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.*

**(viii)** Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 01 năm 2022: *“Chính phủ thống nhất về sự cần thiết xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số trên cơ sở đánh giá, tổng kết việc thực thi pháp luật hiện hành về công nghệ thông tin để thúc đẩy phát triển, sáng tạo và kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ số, phát triển kinh tế số...”.*

**(ix)** Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 26/02/2024 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 02 năm 2024: *“Cơ bản thống nhất về sự cần thiết xây dựng, ban hành dự án Luật này nhằm thể chế hóa các chủ trương chính sách của Đảng về phát triển công nghiệp công nghệ số.”; “Chính phủ cơ bản thống nhất với 02 nhóm chính sách: (i) nhóm chính sách 1 về hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm dịch vụ công nghệ số[[1]](#footnote-2); (ii) nhóm chính sách 2 về bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số.”[[2]](#footnote-3)*; và giao Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, hoàn thiện Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật. Trên cơ sở báo cáo, hoàn thiện của Bộ Thông tin và Truyền thông, Chính phủ đã trình Quốc hội đưa dự án Luật Công nghiệp công nghệ số vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (theo Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội). Dự án luật này dự kiến sẽ trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 và thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV.

**(x)** Về phát triển công nghiệp bán dẫn

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: Xây dựng và triển khai chương trình quốc gia về nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của nền sản xuất Việt Nam đến năm 2045 (Make in Vietnam 2045) theo hướng chú trọng nâng cao *tự chủ về nguyên liệu, công nghệ, sản xuất và thị trường, tăng cường năng lực sáng tạo và thiết kế, phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều công nghệ*, có giá trị gia tăng cao và các ngành công nghiệp phát thải cacbon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào *đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn*; ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: … vật liệu (ưu tiên phát triển vật liệu mới); công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và *sản xuất chíp bán dẫn*).



- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 xác định: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp; tập trung phục hồi, phát triển các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, *sản xuất chíp bán dẫn*, để trở thành một động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Khẩn trương nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đột phá nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn trong thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, *công nghiệp nền tảng và công nghệ mới nổi (chíp bán dẫn, ...).* Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, *chíp và chất bán dẫn* gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa đổi mới sáng tạo khởi nghiệp. Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã được giao nhiệm vụ xây dựng “Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050”; Căn cứ Thông báo số 203/TB-VPCP ngày 06/5/2024 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận Phiên họp lần thứ 8 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Thông tin và Truyền thông hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành ***Chiến lược Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam****.*

Trên cơ sở phân tích trên đây, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy cần sớm nghiên cứu, xây dựng hành lang pháp lý về công nghiệp công nghệ số để kịp thời bổ sung, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo thuận lợi, khuyến khích đủ mạnh để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số trở thành ngành công nghiệp nền tảng, góp phần đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước.

## 2. Cơ sở thực tiễn

### 2.1. Khắc phục tồn tại, bất cập trong thi hành quy định về công nghiệp công nghệ thông tin trong Luật Công nghệ thông tin; đề xuất chính sách đột phá nhằm thúc đẩy phát triển đồng thời hạn chế những rủi ro nếu có trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số

Quy định pháp luật về công nghiệp CNTT được ban hành hơn 18 năm, từ thời điểm ngành CNTT mới bắt đầu phát triển tại Việt Nam. Những quy định này chưa điều chỉnh được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn phát triển ngành công nghiệp CNTT. Đặc biệt, trong bối cảnh gần đây với sự phát triển bùng nổ của các công nghệ mới đã hình thành nên công nghệ số.

Công nghệ số bao gồm công nghệ thông tin và các công nghệ mới, nhưng không giới hạn bởi trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường để số hoá thế giới thực, thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý thông tin và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực. Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số có giá trị gia tăng cao, tác động tới nhiều ngành, lĩnh vực; là ngành công nghiệp nền tảng. Công nghệ số đã cách mạng hóa hầu hết mọi khía cạnh trong cuộc sống, thay đổi cách chúng ta giao tiếp, làm việc, học tập, giải trí và truy cập thông tin. Công nghệ số giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo, đồng thời cũng phát sinh những thách thức như khoảng cách số, mối lo ngại về quyền riêng tư và các mối đe dọa an ninh mạng.

Tuy nhiên đến nay, khung pháp lý định hình ngành công nghiệp công nghệ số vẫn còn chưa được hoàn thiện.

### 2.2. Thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số thành một ngành kinh tế có đóng góp lớn cho kinh tế đất nước

Công nghiệp CNTT, công nghệ số đã trở thành một trong những ngành kinh tế - kỹ thuật có quy mô lớn nhất, có tốc độ tăng trưởng nhanh, giai đoạn từ năm 2015 - 2023 tăng trưởng trung bình khoảng 11%/năm, đóng góp lớn cho GDP. Năm 2023, doanh thu công nghiệp CNTT ước đạt khoảng 138,5 tỷ USD (tăng 23% so với năm 2019 và 128% năm 2015) trong đó doanh thu xuất khẩu phần cứng, điện tử ước đạt khoảng 127 tỷ USD (tăng 45% so với năm 2019 và 155% so với năm 2015), giá trị xuất siêu phần cứng, điện tử đạt trên 30 tỷ USD, đóng góp cho GDP đạt 726.345 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 7% GDP; số lượng doanh nghiệp CNTT, CNS đang hoạt động ước đạt khoảng 45.500 doanh nghiệp; số lượng lao động trong các doanh nghiệp CNTT, CNS đang hoạt động ước đạt khoảng 1,45 triệu người.

Công nghệ số bao gồm các công nghệ mới mang tính đột phá, tác nhân chính tạo ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra chuyển đổi số và kinh tế số. Do đó, Việt Nam cần sớm xây dựng chính sách đột phá nhằm thúc đẩy công nghiệp công nghệ số trở thành công nghiệp mũi nhọn, kịp thời nắm bắt xu thế phát triển công nghệ (như trí tuệ nhân tạo, vi mạch bán dẫn); thu hút, đón đầu làn sóng chuyển dịch đầu tư của các tập đoàn công nghệ lớn toàn cầu[[3]](#footnote-4) vào Việt Nam.

### 2.3. Từng bước chuyển dịch các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam chủ yếu từ lắp ráp, gia công sang sáng tạo, thiết kế, tích hợp, sản xuất và làm chủ công nghệ lõi

Trong xu thế tất yếu của chuyển đổi số, việc xây dựng hành lang pháp lý để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, từng bước chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang sáng tạo, thiết kế, tích hợp, sản xuất các sản phẩm công nghệ số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi để phục vụ chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số là vô cùng cần thiết.

### 2.4. Tạo thị trường cho công nghiệp công nghệ số và thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước

Thị trường Việt Nam với gần 100 triệu người, với dân số trẻ và khả năng thích nghi nhanh, đam mê với công nghệ mới, là thị trường lớn để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành còn thiếu những quy định tạo đột phá thúc đẩy phát triển thị trường tạo đầu ra cho doanh nghiệp công nghệ số, thúc đẩy Make in Viet Nam theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Do vậy, cần có những giải pháp đột phá, cơ chế ưu đãi đủ mạnh hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch để thúc đẩy phát triển thị trường cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

Qua các cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn trên đây, có thể thấy việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số là rất cần thiết để thể chế hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp công nghệ số; khắc phục những tồn tại, hạn chế; tạo cơ chế chính sách vượt trội, đột phá; huy động mọi nguồn lực phát triển hiệu quả tiềm năng phát triển ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số tại Việt Nam.

# II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

## 1. Mục đích ban hành văn bản

- Phát triển công nghiệp công nghệ số trở thành ngành kinh tế đóng góp lớn vào kinh tế đất nước; tạo môi trường thuận lợi nhất để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số với trọng tâm là các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, từng bước chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang sáng tạo, thiết kế, tích hợp, sản xuất, làm chủ công nghệ lõi tại Việt Nam; góp phần xây dựng chính phủ số, động lực phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Khẳng định giá trị pháp lý của công nghiệp công nghệ số; hình thành các quy định, chính sách để thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số. Luật Công nghiệp công nghệ số thay thế các nội dung về công nghiệp CNTT và dịch vụ CNTT trong Luật Công nghệ thông tin và bổ sung các quy định mới phù hợp với thực tiễn phát triển.

## 2. Quan điểm xây dựng Luật

*Một là,* thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, đặc biệt là Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, …

*Hai là,* khắc phục các hạn chế, bất cập hiện nay trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng thực thi các quy định pháp luật về công nghiệp CNTT và dịch vụ CNTT theo pháp luật hiện hành. Đồng thời, đề xuất chính sách khả thi nhằm quy định cụ thể, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, đặc biệt cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; tạo cơ chế ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số, trong đó có một số đặc biệt ưu đãi đầu tư; và ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt[[4]](#footnote-5).

*Ba là,* Luật Công nghiệp công nghệ số được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quy định còn phù hợp của Luật Công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành về công nghiệp CNTT; thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành về đầu tư, tài chính, khoa học công nghệ, … và đồng bộ với các dự thảo luật có liên quan đang trong quá trình soạn (Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Dữ liệu, …) sửa đổi một số Luật (Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, Luật Viễn thông, …)[[5]](#footnote-6) để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho thực thi, áp dụng.

*Bốn là,* tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm quốc tế để vận dụng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển của công nghiệp 4.0 và kinh tế số nói riêng, đặc biệt là tham khảo, học tập quy định quản lý những công nghệ mới tại các đạo luật của Châu Á, Châu Âu, Hoa Kỳ[[6]](#footnote-7), …

*Năm là*, xây dựng Luật với các cơ chế, chính sách ưu đãi, quy trình, thủ tục thuận lợi nhất cho ngành công nghiệp công nghệ số, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số khởi nghiệp đổi mới sáng tạo số, thúc đẩy Make in Viet Nam, tuy nhiên, vẫn bảo đảm không làm thay đổi trách nhiệm, không chồng lấn chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành theo lĩnh vực được phân công.

# III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

## 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về công nghiệp công nghệ số, bao gồm: hoạt động công nghiệp công nghệ số; bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến công nghiệp công nghệ số.

Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh; hoạt động cơ yếu để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước.

## 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp công nghệ số.

# IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội và Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các công việc theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của đại diện các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học.

2. Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Công nghệ thông tin về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và nghiên cứu, tham khảo pháp luật, chính sách về công nghệ số, công nghệ thông tin của một số quốc gia, vùng lãnh thổ.

3. Tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia về các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự án Luật; các hoạt động khảo sát trong và ngoài nước, …

4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự án Luật: đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan. Các ý kiến góp ý đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

5. Ngày 08/08/2024, Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định và Hội đồng đã tiến hành thẩm định dự án Luật; cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

# V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật được xây dựng bám sát 2 nhóm chính sách đã Chính phủ thống nhất thông qua: (1) Hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số*[[7]](#footnote-8)*; (2) Bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số*[[8]](#footnote-9)*. Cụ thể, bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Luật như sau:

## 1. Bố cục

Với phạm vi điều chỉnh như trên, bố cục của dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số gồm 08 Chương, 68 Điều. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 07 điều: từ Điều 1 đến Điều 7);

Chương II. Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số (gồm 12 mục, 33 điều: từ Điều 8 đến Điều 40);

Chương III. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số (gồm 02 mục, 06 điều: từ Điều 41 đến Điều 46);

Chương IV. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số (gồm 10 điều: từ Điều 47 đến Điều 56);

Chương V. Công nghiệp bán dẫn (gồm 04 điều: từ Điều 57 đến Điều 59);

Chương VI. Hệ thống trí tuệ nhân tạo (gồm 04 điều: từ Điều 60 đến Điều 63);

Chương VII. Quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số (gồm 02 điều: Điều 64 và Điều 65);

Chương VIII. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều: từ Điều 66 đến Điều 68).

## 2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

### 2.1. Những quy định chung

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; áp dụng luật; chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số; bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số. Trong đó:

- Phạm vi điều chỉnh của Luật này quy định về công nghiệp công nghệ số, bao gồm: hoạt động công nghiệp công nghệ số; bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến công nghiệp công nghệ số. Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh; hoạt động cơ yếu để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước.

- Giải thích các từ ngữ được sử dụng trong Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm đảm bảo cách hiểu thống nhất, chẳng hạn như: công nghệ số, công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, hội tụ công nghệ số, hệ thống trí tuệ nhân tạo, ... Đây là những khái niệm cơ bản để xác định phạm vi và các chính sách của Luật Công nghiệp công nghệ số. Cụ thể, trong dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số định nghĩa một số từ ngữ như sau:

“Công nghệ số bao gồm công nghệ thông tin và các công nghệ mới, nhưng không giới hạn bởi trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường để số hoá thế giới thực, thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý thông tin và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực.”

“Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số có giá trị gia tăng cao, tác động tới nhiều ngành, lĩnh vực. Công nghiệp công nghệ số là ngành công nghiệp nền tảng.”

“Doanh nghiệp công nghệ số là doanh nghiệp thực hiện tối thiểu một trong các loại hình hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ số, hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số.”

“Hội tụ công nghệ số là hoạt động đổi mới, sáng tạo, tạo ra giá trị mới bằng cách tích hợp, kết hợp, hợp nhất giữa các công nghệ số với nhau hoặc giữa công nghệ số với sản phẩm, dịch vụ của các ngành, lĩnh vực khác để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số.”

“Hệ thống trí tuệ nhân tạo là sản phẩm công nghệ số mô phỏng trí thông minh của con người; sử dụng thông tin, dữ liệu số để tự động phân tích, suy luận, đưa ra các nội dung, dự báo, khuyến nghị, quyết định dựa trên tập hợp các mục tiêu do con người xác định.”

Đồng thời, trong Chương này cũng quy định về áp dụng luật; chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số; bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.

### 2.2. Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số

Chương này bao gồm 12 mục quy định về: Hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số; quản lý, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; nguồn nhân lực công nghệ số; hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ số; nguồn tài chính; khu công nghệ số; phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số; thông tin về công nghiệp công nghệ số; chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số; trong đó:

- Về hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số: xác định các hoạt động này trong dự thảo Luật và giao Chính phủ quy định chi tiết theo thẩm quyền.

- Về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số: quy định các loại sản phẩm công nghệ số, dịch vụ công nghệ số và giao Chính phủ quy định chi tiết. Phần này cũng quy định khái niệm, quy định quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu, tài sản mã hóa .

Trong đó quy định về tài sản mã hóa là nội dung mới trên cơ sở ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đề xuất đưa ra khái niệm tài sản mã hóa và dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý tài sản mã hóa và các tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản mã hóa.

- Về nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, tập trung vào phát triển các viện, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển công nghệ số; hình thành Chương trình đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển công nghệ theo từng thời kỳ, phù hợp với điều kiện thực tiễn, sử dụng nguồn ngân sách khoa học công nghệ.

- Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số quy định về thúc đẩy tiêu chuẩn hóa trong hoạt động công nghiệp công nghệ số và nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Quản lý, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số gồm các nội dung: Quản lý, thúc đẩy về dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; phi cá nhân hóa dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; bảo đảm chất lượng dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số. Trong đó xác định dữ liệu số là nguồn nguyên liệu quan trọng của ngành công nghiệp công nghệ số do đó cần đảm bảo chất lượng và tạo nguồn dữ liệu số phong phú cho ngành công nghiệp công nghệ số thông qua chính sách, quy định về phi cá nhân hóa dữ liệu.

- Nguồn nhân lực công nghệ số gồm các nội dung: phát triển nguồn nhân lực công nghệ số; phát triển cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ số; thu hút nhân lực công nghệ số chất lượng cao; phát triển nguồn nhân lực công nghệ số chuyên nghiệp. Trong đó, nổi bật là chính sách thu hút nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao, ưu tiên thu hút các nhân tài trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài trong công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn; khung kỹ năng công nghệ số là hệ thống hóa những kỹ năng cần thiết cho nhân lực công nghệ số chuyên nghiệp; xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc lĩnh vực công nghệ số; ưu tiên đầu tư, xây dựng một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có ngành đào tạo công nghệ số đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ số gồm các quy định: nguyên tắc, nội dung hợp tác quốc tế trong công nghiệp công nghệ số; hợp tác quốc tế trong công nghiệp bán dẫn, trong đó chủ động tăng cường hợp tác, kết nối với hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn của các đối tác chiến lược, đồng thời ưu tiên có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư, sản xuất bán dẫn tại Việt Nam; hợp tác nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm bán dẫn.

- Về nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số: đây là nội dung quan trọng bảo đảm cho sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số. Luật dự kiến quy định các nguồn tài chính, trong đó có sử dụng các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao; Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam; Quỹ đầu tư phát triển của địa phương, doanh nghiệp; Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hoạt động công nghiệp công nghệ số.

- Khu công nghệ số: kế thừa phát triển các quy định đã được thực hiện tốt về khu công nghệ thông tin tập trung tại Luật Công nghệ thông tin 2006 và Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về khu công nghệ thông tin tập trung. Đồng thời, Luật cũng hoàn thiện quy định về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ số nhằm giải quyết bất cập hiện nay về đầu tư khu công nghệ thông tin tập trung; chính sách ưu đãi với khu công nghệ số.

- Phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số gồm: phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số; phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thân thiện môi trường.

- Thông tin về công nghiệp công nghệ số gồm các quy định về xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quốc gia, cơ sở dữ liệu về công nghiệp công nghệ số. Trong đó, ngoài phục vụ chức năng quản lý nhà nước, Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số còn cho phép tổ chức, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Về Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số: là Chương trình được ban hành theo từng thời kỳ 05 năm và kế hoạch thực hiện hằng năm gồm các quy định về: Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ số; dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển công nghiệp công nghệ số; xây dựng, phát triển thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực công nghệ số; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp về tư vấn, sử dụng các kết cấu hạ tầng dùng chung, … và giao Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình.

### 2.3. Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số

Chương này bao gồm các quy định để phát triển doanh nghiệp công nghệ số bao gồm phát triển thị trường công nghiệp công nghệ số và hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp công nghệ số. Cụ thể:

- Quy định ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước và các hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường cho doanh nghiệp công nghệ số.

- Quy định ưu đãi đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số; ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; dự án trí tuệ nhân tạo; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với dự án trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số có tính chất đặc biệt, quy mô lớn; chính sách tín dụng, tài chính cho doanh nghiệp công nghệ số. Trong đó, một số ưu đãi nổi bật như:

“Sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số là ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.”

“Sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; dự án trí tuệ nhân tạo là ngành, nghề ưu đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.”

“Dự án trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số có tính chất đặc biệt, quy mô lớn thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Dự án đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ số, đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ số có quy mô vốn đầu tư từ 2000 tỷ trở lên.

+ Dự án đầu tư công nghiệp bán dẫn, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm có quy mô vốn đầu tư từ 4.000 tỷ đồng trở lên.”

### 2.4. Về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số

Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số là một trong những chính sách đột phá trong dự thảo Luật. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới đã ban hành luật quy định về vấn đề này như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, … Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất xây dựng quy định này nhằm đáp ứng kịp thời sự phát triển, hội tụ rất nhanh của công nghệ số vào các ngành, lĩnh vực, tạo hành lang pháp lý để thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số mà pháp luật chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành. Cơ chế thử nghiệm sẽ hình thành quy trình, nguyên tắc xét duyệt hồ sơ đề nghị thử nghiệm của doanh nghiệp và quy định rõ đầu mối tiếp nhận xử lý, quyết định cho phép thử nghiệm theo từng trường hợp căn cứ vào phạm vi, lĩnh vực thử nghiệm để bảo đảm tăng cường phân cấp, nhanh chóng, kịp thời, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

### 2.5. Về công nghiệp bán dẫn

Đây là một nội dung rất quan trọng trong bối cảnh công nghiệp bán dẫn trở thành ngành công nghiệp chủ chốt có vai trò ảnh hưởng đến sự phát triển về kinh tế, xã hội; đồng thời nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn đón đầu làn sóng dịch chuyển đầu tư khi rất nhiều tập đoàn toàn cầu lớn bày tỏ quan tâm mong muốn đầu tư vào Việt Nam. Xác định rõ công nghiệp bán dẫn là một hoạt động quan trọng trong công nghiệp công nghệ số, dự thảo Luật đưa ra các quy định cơ chế, chính sách đặc thù, ưu tiên hơn cho phát triển công nghiệp bán dẫn.

### 2.6. Về hệ thống trí tuệ nhân tạo

Trong bối cảnh AI đang phát triển với tốc độ vô cùng nhanh chóng, được ứng dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội thì việc quản lý nhằm hạn chế những rủi ro, đồng thời tận dụng tốt những lợi ích mà AI mang lại là rất cần thiết. Luật quy định Hệ thống trí tuệ nhân tạo là sản phẩm công nghệ số mô phỏng trí thông minh của con người; sử dụng thông tin, dữ liệu số để tự động phân tích, suy luận, đưa ra các nội dung, dự báo, khuyến nghị, quyết định dựa trên tập hợp các mục tiêu do con người xác định. Trên sở tham khảo Đạo luật AI của Liên minh Châu Âu, Luật quy định nguyên tắc AI; quy định các hành vi bị cấm, trách nhiệm các bên liên quan đến hoạt động phát triển, cung cấp và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo; quy định quản lý rủi ro đối với hệ thống AI. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định dán nhãn nhận dạng đối với sản phẩm công nghệ số tạo ra bởi AI theo kinh nghiệm của Trung Quốc.



### 2.7. Quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số

Chương này quy định về trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số trên cơ sở kế thừa các nội dung về quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin tại Luật Công nghệ thông tin. Theo hướng, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước và phân rõ vai trò chủ trì, phối hợp của Bộ Thông tin và Truyền thông và trách nhiệm các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số.

### 2.8. Điều khoản thi hành

Chương này quy định về hiệu lực và quy định chuyển tiếp, thay thế các quy định có hiện hành có liên quan tại Luật Công nghệ thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Đồng thời, theo kết quả rà soát, dự thảo Luật cũng đề xuất sửa đổi một số điều, khoản, điểm trong các Luật có liên quan (dự kiến sửa 10 Luật: Luật Công nghệ thông tin, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Công nghệ cao, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, Luật Quy hoạch, Luật Viễn thông).

# VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

## 1. Dự kiến nguồn lực

- Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương;

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

## 2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT, nay là công nghiệp công nghệ số, đã được tổ chức thực hiện chuyên nghiệp, bài bản kể từ khi Luật Công nghệ thông tin có hiệu lực từ năm 2006, các cơ quan quản lý nhà nước đều có bố trí cán bộ, kinh phí cho công tác này và đã có kinh nghiệm tổ chức thực hiện. Vì vậy, nguồn lực dự kiến cho việc thực hiện Luật Công nghiệp công nghệ số không phát sinh lớn.

- Về nhân lực: Cơ bản không phát sinh so với hiện hành. Đối với Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật và không làm phát sinh thêm tổ chức mới mà chỉ trên cơ sở các đơn vị đã có kiện toàn lại trong nhiệm kỳ mới và đội ngũ cán bộ sẵn có để tổ chức thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong Luật. Đối với địa phương, các Sở Thông tin và Truyền thông cũng sẽ bảo đảm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số tại địa phương, kế thừa chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT hiện tại.

- Về xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản được giao trong Luật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Về tuyên truyền, phổ biến, đào tạo nội dung của Luật: Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ các Bộ, ngành liên quan và các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân và tập huấn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số hiểu biết đầy đủ về các quy định của Luật để thực hiện kịp thời.

- Về triển khai thi hành Luật khi có hiệu lực thi hành: Các Bộ, ngành liên quan và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện và theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất.

# VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong dự thảo Luật, có một số quy định mang tính đặc thù, Bộ Thông tin và Truyền thông xin báo cáo Chính phủ xem xét, cho ý kiến như sau:

## 1. Về cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với dự án trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số có tính chất đặc biệt quy mô lớn

Cơ chế tài chính, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số là chính sách cốt lõi để phát triển đột phá ngành công nghiệp công nghệ số trong thời gian tới. Luật dự kiến quy định sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số là ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan. Trong đó, riêng đối với dự án trọng điểm về bán dẫn, Luật dự kiến đưa ra ưu đãi đặc thù trên cơ sở tham khảo quy định đặc thù đối với Thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

*“Dự án đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ số, đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ số có quy mô vốn đầu tư từ 2000 tỷ trở lên.*

*Dự án đầu tư công nghiệp bán dẫn, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm có quy mô vốn đầu tư từ 4.000 tỷ đồng trở lên.”*

Lí do đề xuất: Ngày 26/6/2014, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng. Theo đó, tại điểm a và b khoản 1 Điều 12 về Danh mục ngành, nghề, dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Đà Nẵng có quy định*:*

*“a) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn với đào tạo; đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực* ***công nghệ thông tin, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI)****; … có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên;*

*b) Đầu tư dự án trong lĩnh vực* ***công nghệ chip bán dẫn, công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), …*** *được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có quy mô vốn đầu tư từ 4.000**tỷ đồng trở lên.*”

Để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất áp dụng quy định này trong dự thảo Luật.

## 2. Về thẩm quyền cho phép thử nghiệm có kiểm soát

Một trong những nội dung đột phá của dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số là cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số. Trong trường hợp pháp luật chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm có kiểm soát về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng thử nghiệm, quyền, trách nhiệm của các đối tượng có liên quan. Dự thảo dự kiến cơ quan có thẩm quyền cho phép triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát như sau:

*“a) Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, phối hợp với cơ quan liên quan xem xét, quyết định cho phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ số, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, không gian đổi mới sáng tạo hoặc khu vực khác trong phạm vi địa bàn quản lý;*

*b) Bộ, cơ quan ngang bộ tiếp nhận, phối hợp với cơ quan liên quan xem xét, quyết định cho phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số vượt quá địa bàn một tỉnh và thuộc phạm vi quản lý lĩnh vực của mình;*

*c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cho phép thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số chưa rõ hoặc có giao thoa giữa các lĩnh vực, địa bàn quản lý.*

*Bộ Thông tin và Truyền thông là đầu mối tiếp nhận; phối hợp cơ quan liên quan đánh giá; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng liên ngành để tư vấn trước khi quyết định.”*

Lí do đề xuất:

- Tham khảo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 25 Luật Thủ đô năm 2024 quy định: Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội là cơ quan *“cho phép thử nghiệm và ban hành quy chế thử nghiệm riêng cho từng công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới được cho phép thử nghiệm; quyết định điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, gia hạn thử nghiệm, chấm dứt thử nghiệm”*.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thử nghiệm trong địa bàn quản lý nhằm tăng cường phân cấp và chủ động cho địa phương và tạo điều kiện thuận lợi cho các doạnh nghiệp thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số tại địa phương. Các trường hợp địa bàn thử nghiệm rộng hơn về phạm vi thì các Bộ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

## 3. Về miễn trừ trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền cho phép thử nghiệm và của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm

Luật dự kiến quy định miễn trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền cho phép thử nghiệm và của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm như sau:

*“Cơ quan, người có thẩm quyền cho phép thử nghiệm được miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại do hoạt động thử nghiệm gây ra, được loại trừ trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự khi đã tuân thủ đúng, đủ quy định tại các Điều từ 47 đến Điều 56 của Luật này.”*

*“Tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm được miễn trách nhiệm dân sự nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, được loại trừ trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự khi đã tuân thủ đúng, đủ quy định tại Luật này và các nội dung cho phép thử nghiệm tại quyết định của cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu khác của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 50, trừ trường hợp trong quá trình thử nghiệm đã biết hoặc buộc phải biết về nguy cơ rủi ro nhưng không kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và không áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra.”*

Lí do đề xuất:

- Tham khảo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 25 Luật Thủ đô năm 2024 quy định: “*Tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm, cá nhân thực hiện thử nghiệm được* ***miễn trách nhiệm dân sự*** *đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước, được* ***loại trừ trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự*** *khi đã tuân thủ đúng và đầy đủ nội dung quy định trong quy chế thử nghiệm có kiểm soát và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này, trừ trường hợp trong quá trình thử nghiệm đã biết hoặc buộc phải biết về nguy cơ rủi ro nhưng không kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra.”*

- Quy định miễn trừ là cần thiết nhằm tạo thuận lợi cho thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số và có cơ chế bảo vệ cơ quan, người có thẩm quyền, tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm khi thực hiện đúng, đủ các quy định về thử nghiệm.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Công nghiệp công nghệ số, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Hồ sơ dự án Luật kèm theo gồm có:

1. *Dự thảo Luật.*
2. *Báo cáo thẩm định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.*
3. *Báo cáo rà soát các văn bản pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan.*
4. *Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Luật.*
5. *Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật.*
6. *Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.*
7. *Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 26/02/2024 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 02 năm 2024.*
8. *Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ: BTCN, các PCN;  - Bộ TTTT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng;  - Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, PC, CNICT (03). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Bùi Hoàng Phương** |

1. gồm 04 chính sách cụ thể: (1) Hoạt động công nghiệp công nghệ số; (2) Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước; (3) Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; (4) Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu. [↑](#footnote-ref-2)
2. gồm 10 chính sách cụ thể: (1) Thị trường công nghiệp công nghệ số; (2) Hợp tác quốc tế trong công nghiệp công nghệ số; (3) Nguồn nhân lực công nghệ số; (4) Cơ chế tài chính, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số; (5) Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; (6) Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; (7) Thông tin về công nghiệp công nghệ số; (8) Dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; (9) Vi mạch bán dẫn; (10) Khu công nghệ số tập trung. [↑](#footnote-ref-3)
3. Trong thời gian qua hàng loạt tập đoàn công nghệ lớn đang bày tỏ mong muốn dịch chuyển đầu tư vào Việt Nam và đi kèm theo đó là sự quan tâm đến hành lang pháp lý, hỗ trợ ưu đãi đối với lĩnh vực công nghệ số như NVIDIA, Qualcomm, Apple, … [↑](#footnote-ref-4)
4. Luật dự kiến quy định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư công nghiệp bán dẫn, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm có quy mô vốn đầu tư từ 4.000 tỷ đồng trở lên. [↑](#footnote-ref-5)
5. dự kiến sửa 10 Luật: Luật Công nghệ thông tin, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Công nghệ cao, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, Luật Quy hoạch, Luật Viễn thông (chi tiết tại Điều 67 dự thảo Luật) [↑](#footnote-ref-6)
6. Đạo Luật về Thúc đẩy công nghiệp ICT của Hàn Quốc, Luật Thúc đẩy hội tụ ICT của Hàn Quốc, Luật Thúc đẩy công nghiệp phần mềm của Hàn Quốc; Luật về Trí tuệ nhân tạo của Liên minh Châu Âu; Luật Chip của Hoa Kỳ. [↑](#footnote-ref-7)
7. gồm 04 chính sách cụ thể: (1) Hoạt động công nghiệp công nghệ số; (2) Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước; (3) Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; (4) Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu. [↑](#footnote-ref-8)
8. gồm 10 chính sách cụ thể: (1) Thị trường công nghiệp công nghệ số; (2) Hợp tác quốc tế trong công nghiệp công nghệ số; (3) Nguồn nhân lực công nghệ số; (4) Cơ chế tài chính, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số; (5) Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; (6) Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; (7) Thông tin về công nghiệp công nghệ số; (8) Dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; (9) Vi mạch bán dẫn; (10) Khu công nghệ số tập trung. [↑](#footnote-ref-9)